

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số : **26** /CĐGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
lần 1 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoà Bình, ngày **09** tháng **3** năm 2018

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 28/2/2018, Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp 0,94 kinh phí hoạt động công đoàn lần 1 năm 2018 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí về tài khoản của Công đoàn ngành tính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 28/02/2018 (Có danh sách kèm theo).

Các công đoàn cơ sở được cấp kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại thường trực Công đoàn ngành từ ngày 14/3/2018 (Liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854 502).

2. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo tới các công đoàn cơ sở số kinh phí được cấp và kinh phí phải trừ 10% theo Nghị quyết 9C/NQ-BCH (Biểu số 04 đính kèm). Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo dõi, tổng hợp số kinh phí đã trừ theo các lần thông báo để đưa số liệu vào báo cáo quyết toán gồm 02 mục: Cộng số thực thu và số đã trừ theo NQ9C của các lần cấp vào dòng “Kinh phí cấp trên cấp”; đưa tổng số đã trừ theo NQ9C vào dòng “Kinh phí nộp cấp trên” để nộp khi đi quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2018.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các công đoàn các đơn vị trường học nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
CÁP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN LẦN 1 NĂM 2018

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2017	Cấp lần 1	Tổng
1	Trường THPT Cộng Hòa	5,878,120		5,878,120
2	Trường THPT Đại Đồng	0,000	1,093,000	1,093,000
3	Trường THPT Quyết Thắng	618,639		618,639
4	Trường THPT Lạc Sơn	2,013,469	4,290,000	6,303,469
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	3,852,007	4,305,000	8,157,007
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	2,965,847	2,762,000	5,727,847
7	Trường THPT Thạch Yên	1,437,829	2,114,000	3,551,829
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	1,913,917	2,828,000	4,741,917
9	Trường THPT Cao Phong	2,770,580	4,089,000	6,859,580
10	Trường THPT Kỳ Sơn	1,605,741	6,002,000	7,607,741
11	Trường THPT Phú Cường	1,703,438	2,532,000	4,235,438
12	Trường THPT Lương Sơn	4,424,278	4,451,000	8,875,278
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	5,784,932	6,031,000	11,815,932
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	1,796,526	4,642,000	6,438,526
15	Trường THPT Cù Chính Lan	0,000	7,238,000	7,238,000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	0,000	5,030,000	5,030,000
17	Trường THPT Lạc Thủy B	4,760,868		4,760,868
18	Trường THPT Lạc Thủy	3,602,251	4,352,000	7,954,251
19	Trường THPT Lạc Thủy C	3,131,993		3,131,993
20	Trường THPT Mai Châu	4,433,412	4,475,000	8,908,412
21	Trường THPT Mai Châu B	2,256,554		2,256,554
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	5,173,542		5,173,542
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	6,763,420		6,763,420
24	Trường THPT Yên Thủy C	4,494,566		4,494,566
25	Trường THPT Yên Thủy A	7,556,771		7,556,771
26	Trường THPT Yên Thủy B	4,338,815	3,902,000	8,240,815
27	Trường THPT Thanh Hà	3,453,809	2,937,000	6,390,809
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy	3,413,762		3,413,762
29	Trường THPT 19/5	3,391,417	2,500,000	5,891,417
30	Trường THPT Kim Bôi	3,126,635	5,099,000	8,225,635
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	1,373,437	3,450,000	4,823,437
32	Trường THPT Sào Báy	3,959,775	5,119,000	9,078,775
33	Trường THPT Bắc Sơn	3,033,468	2,123,000	5,156,468
34	Trường THPT Mường Chiềng	2,618,723	2,379,000	4,997,723
35	Trường THPT Yên Hoà	2,113,811	1,642,000	3,755,811
36	Trường THPT Đà Bắc	2,233,742	3,377,000	5,610,742
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	3,343,189	1,822,000	5,165,189
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	3,109,722		3,109,722
39	Trường THPT Đoàn Kết	4,769,160	3,296,000	8,065,160
40	Trường THPT Tân Lạc	2,888,713	4,314,000	7,202,713

41	Trường THPT Mường Bi	3,298,709	3,347,000	6,645,709
42	Trường THPT Lũng Vân	3,151,444		3,151,444
43	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	428,057		428,057
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4,418,826	6,276,000	10,694,826
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7,435,253	16,140,000	23,575,253
46	Trường THPT Công nghiệp	8,544,847		8,544,847
47	Trường THPT Lạc Long Quân	3,236,338	4,699,000	7,935,338
48	Trường THPT Ngô Quyền	1,878,656	2,769,000	4,647,656
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	6,249,007	10,163,000	16,412,007
50	TT Ngoại ngữ và Tin học	1,445,345		1,445,345
51	TT GDTX tỉnh	2,007,980	3,511,000	5,518,980
52	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	1,032,986	4,053,000	5,085,986
53	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	18,069,007		18,069,007
54	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn	592,873	982,000	1,574,873
55	Công ty CP sách & TBTH	0,000		0,000
	Cộng	187,896,207	160,134,000	348,030,207

Ghi chú: Kinh phí cấp cho CĐ trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ là 16.140.000đ, trong đó cấp kinh phí lần 1/2018 là 11.180.000đ, cấp bổ sung năm 2017 là 4.960.000đ.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2018

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
CẤP ỦY NHIỆM CHI KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN LẦN 1 NĂM 2018

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2017	Cấp lần 1	Tổng
1	Trường THPT Lạc Sơn	2,013,469	4,290,000	6,303,469
2	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	2,965,847	2,762,000	5,727,847
3	Trường THPT Thạch Yên	1,437,829	2,114,000	3,551,829
4	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	1,913,917	2,828,000	4,741,917
5	Trường THPT Cao Phong	2,770,580	4,089,000	6,859,580
6	Trường THPT Kỳ Sơn	1,605,741	6,002,000	7,607,741
7	Trường THPT Phú Cường	1,703,438	2,532,000	4,235,438
8	Trường THPT Lương Sơn	4,424,278	4,451,000	8,875,278
9	Trường THPT Nguyễn Trãi	1,796,526	4,642,000	6,438,526
10	Trường THPT Cù Chính Lan	0,000	7,238,000	7,238,000
11	Trường THPT Lạc Thủy	3,602,251	4,352,000	7,954,251
12	Trường THPT Mai Châu	4,433,412	4,475,000	8,908,412
13	Trường THPT Yên Thủy B	4,338,815	3,902,000	8,240,815
14	Trường THPT Thanh Hà	3,453,809	2,937,000	6,390,809
15	Trường THPT 19/5	3,391,417	2,500,000	5,891,417
16	Trường THPT Kim Bôi	3,126,635	5,099,000	8,225,635
17	Trường THPT Sào Báy	3,959,775	5,119,000	9,078,775
18	Trường THPT Bắc Sơn	3,033,468	2,123,000	5,156,468
19	Trường THPT Đà Bắc	2,233,742	3,377,000	5,610,742
20	Trường THPT Đoàn Kết	4,769,160	3,296,000	8,065,160
21	Trường THPT Tân Lạc	2,888,713	4,314,000	7,202,713
22	Trường THPT Mường Bi	3,298,709	3,347,000	6,645,709
23	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4,418,826	6,276,000	10,694,826
24	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7,435,253	16,140,000	23,575,253
25	Trường THPT Lạc Long Quân	3,236,338	4,699,000	7,935,338
26	Trường THPT Ngô Quyền	1,878,656	2,769,000	4,647,656
27	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	6,249,007	10,163,000	16,412,007
28	TT GDTX tỉnh	2,007,980	3,511,000	5,518,980
29	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	1,032,986	4,053,000	5,085,986
30	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn	592,873	982,000	1,574,873
	Cộng	90,013,450	134,382,000	224,395,450

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2018

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
CẤP TIỀN MẶT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN LẦN 1 NĂM 2018

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2017	Cấp lần 1	Tổng
1	Trường THPT Đại Đồng	0,000	1,093,000	1,093,000
2	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	3,852,007	4,305,000	8,157,007
3	Trường THPT Nam Lương Sơn	5,784,932	6,031,000	11,815,932
4	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	0,000	5,030,000	5,030,000
5	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	1,373,437	3,450,000	4,823,437
6	Trường THPT Mường Chiềng	2,618,723	2,379,000	4,997,723
7	Trường THPT Yên Hoà	2,113,811	1,642,000	3,755,811
8	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	3,343,189	1,822,000	5,165,189
	Cộng	19,086,100	25,752,000	44,838,100

NGƯỜI LẬP BIỂU


Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2018

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH


Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH
(LẦN 1 NĂM 2018)

ST T	Tên đơn vị	Số KP tính để trích nộp theo NQ 9C từ 1/1 đến hết ngày 28/02/2018	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CĐCS theo số thực thu (0,94)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CĐCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ- BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ- BCH
1	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa	-	-	-			
2	Trường THPT Đại Đồng	2,720,000	1,360,000	1,278,000	791,400	1,846,600	185,000
3	Trường THPT Quyết Thắng	-	-	-			
4	Trường THPT Lạc Sơn	10,670,000	5,335,000	5,015,000	3,105,000	7,245,000	725,000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	10,706,000	5,353,000	5,032,000	3,115,500	7,269,500	727,000
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	6,868,000	3,434,000	3,228,000	1,998,600	4,663,400	466,000
7	Trường THPT Thạch Yên	5,256,674	2,628,337	2,471,000	1,529,801	3,569,536	357,000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	7,031,737	3,515,869	3,305,000	2,046,261	4,774,608	477,000
9	Trường THPT Cao Phong	10,170,336	5,085,168	4,780,000	2,959,550	6,905,618	691,000
10	Trường THPT Kỳ Sơn	14,928,000	7,464,000	7,016,000	4,344,000	10,136,000	1,014,000
11	Trường THPT Phú Cường	6,298,000	3,149,000	2,960,000	1,832,700	4,276,300	428,000
12	Trường THPT Lương Sơn	11,069,793	5,534,897	5,203,000	3,221,369	7,516,528	752,000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	15,000,000	7,500,000	7,050,000	4,365,000	10,185,000	1,019,000
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	11,543,700	5,771,850	5,426,000	3,359,355	7,838,495	784,000
15	Trường THPT Cù Chính Lan	18,000,000	9,000,000	8,460,000	5,238,000	12,222,000	1,222,000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	12,509,000	6,254,500	5,879,000	3,640,050	8,493,450	849,000
17	Trường THPT Lạc Thủy B	-	-	-			
18	Trường THPT Lạc Thủy	10,824,300	5,412,150	5,087,000	3,149,745	7,349,405	735,000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	-	-	-			
20	Trường THPT Mai Châu	11,128,900	5,564,450	5,231,000	3,238,635	7,556,815	756,000
21	Trường THPT Mai Châu B	-	-	-			
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	-	-	-			
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	-	-	-			
24	Trường THPT Yên Thủy C	-	-	-			
25	Trường THPT Yên Thủy A	-	-	-			
26	Trường THPT Yên Thủy B	9,704,000	4,852,000	4,561,000	2,823,900	6,589,100	659,000
27	Trường THPT Thanh Hà	7,304,200	3,652,100	3,433,000	2,125,530	4,959,570	496,000
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy	-	-	-			

29	Trường THPT 19/5	6,216,200	3,108,100	2,922,000	1,809,030	4,221,070	422,000
30	Trường THPT Kim Bôi	12,680,100	6,340,050	5,960,000	3,690,015	8,610,035	861,000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	8,581,200	4,290,600	4,033,000	2,497,080	5,826,520	583,000
32	Trường THPT Sào Báy	12,730,500	6,365,250	5,983,000	3,704,475	8,643,775	864,000
33	Trường THPT Bắc Sơn	5,278,000	2,639,000	2,481,000	1,536,000	3,584,000	358,000
34	Trường THPT Mường Chiềng	5,916,000	2,958,000	2,781,000	1,721,700	4,017,300	402,000
35	Trường THPT Yên Hoà	4,083,000	2,041,500	1,919,000	1,188,150	2,772,350	277,000
36	Trường THPT Đà Bắc	8,398,000	4,199,000	3,947,000	2,443,800	5,702,200	570,000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	4,532,000	2,266,000	2,130,000	1,318,800	3,077,200	308,000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	-	-	-			
39	Trường THPT Đoàn Kết	8,197,900	4,098,950	3,853,000	2,385,585	5,566,365	557,000
40	Trường THPT Tân Lạc	10,728,500	5,364,250	5,042,000	3,121,875	7,284,375	728,000
41	Trường THPT Mường Bi	8,324,100	4,162,050	3,912,000	2,422,215	5,651,835	565,000
42	Trường THPT Lũng Vân	-	-	-			
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc	-	-	-			
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	15,608,006	7,804,003	7,336,000	4,542,001	10,598,002	1,060,000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	40,139,300	20,069,650	18,865,000	11,680,395	27,254,255	2,725,000
46	Trường THPT Công nghiệp	-	-	-			
47	Trường THPT Lạc Long Quân	11,684,800	5,842,400	5,492,000	3,400,320	7,934,080	793,000
48	Trường THPT Ngô Quyền	6,888,000	3,444,000	3,237,000	2,004,300	4,676,700	468,000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	25,275,400	12,637,700	11,879,000	7,355,010	17,161,690	1,716,000
50	TT Ngoại ngữ và Tin học	-	-	-			
51	TT GDTX tỉnh	8,731,400	4,365,700	4,104,000	2,540,910	5,928,790	593,000
52	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	10,081,200	5,040,600	4,738,000	2,933,580	6,845,020	685,000
53	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	-	-	-			
54	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	2,441,664	1,220,832	1,148,000	710,650	1,658,182	166,000
55	Công ty CP sách & TBTH	-	-	-			
Cộng		398,247,910	199,123,955	187,177,000	115,890,287	270,410,669	27,043,000

Ghi chú: Số kinh phí tính để trích nộp theo NQ9C của CD trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ là: 40.139.300đ (trong đó: số 2% KPCĐ đơn vị đã nộp năm 2018 là 27.798.600đ, số 2% KPCĐ đơn vị đã nộp năm 2017 nhưng chưa được tính để cấp trả kinh phí CD là 12.340.700đ), vì vậy số kinh phí 0,94 được cấp về cho CD trường là 18.865.000đ, do đó số kinh phí phải trừ theo NQ9C là 2.725.000đ.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như



Bùi Đức Ngọc

Hòa Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2018